

# Mapeflex PU40

## Keo trám khe gốc polyurethane với độ đàn hồi cao



### PHẠM VI SỬ DỤNG

**Mapeflex PU40** được phát triển để trám các khe co giãn, mạch ngừng xây dựng trên bề mặt phương đứng và phương ngang.

**Mapeflex PU40** được phân loại F - 25 LM theo tiêu chuẩn ISO 11600.

**Mapeflex PU40** phù hợp với tiêu chuẩn Euronorm EN 15651-1 (“Keo trám cho mặt dựng”) với nghiệm thu đánh giá F-EXT-INT-C và tiêu chuẩn EN 15651-4 (“Keo trám cho đường đi bộ”) với nghiệm thu đánh giá PW-EXT-INT-CC.

### Một số ứng dụng điển hình

Trám các khe co giãn, mạch ngừng thi công trong nhà và ngoài trời với độ chuyển vị lên đến 25%:

- Mặt dựng của các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Các tấm bê tông đúc sẵn;
- Sàn công nghiệp chịu tác động của phương tiện di chuyển;
- Sàn bê tông của các bãi giữ xe, siêu thị, trung tâm thương mại và các kho chứa;
- Tường bê tông, các cấu kiện trong nhà và ngoài trời yêu cầu các sản phẩm chống trượt.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

**Mapeflex PU40** là keo trám khe một thành phần gốc

polyurethane, chống trượt với modul đàn hồi thấp. Sản phẩm được phát triển bởi phòng thí nghiệm Nghiên cứu và Phát triển của MAPEI.

**Mapeflex PU40** đóng rắn dựa trên phản ứng với độ ẩm của môi trường xung quanh, nhờ các đặc tính đặc biệt, **Mapeflex PU40** đảm bảo thời gian sử dụng bền lâu sau khi thi công.

Sản phẩm trộn sẵn có thể thi công ngay lập tức, được đóng gói trong các ống hoặc túi nhôm. **Mapeflex PU40** có thể thi công dễ dàng bằng súng bắn keo thuộc dòng **Mapei Gun**.

Nhờ độ ổn định nên sản phẩm có khả năng thi công nhanh và sơn phủ lên trên sau khi đã đóng rắn.

Trước khi thi công sơn lên trên bề mặt, phải đảm bảo **Mapeflex PU40** đã polyme hoá hoàn toàn. MAPEI đề xuất sử dụng các dòng sơn phủ có độ đàn hồi cao như **Elastocolor Paint**, sau khi đã xử lý bề mặt của keo trám với **Colorite Performance**. Nên làm thử nghiệm trước để đảm bảo độ tương thích giữa sơn và keo trám.

### KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng trên bề mặt bụi bẩn và bong tróc.
- Không sử dụng trên bề mặt ẩm ướt.
- Không sử dụng trên bề mặt bẩn bởi tác động của dầu, mỡ hoặc các hợp chất tách khuôn, có thể gây ảnh hưởng đến khả năng liên kết của keo trám.

# Mapeflex PU40

- Không sử dụng trên bề mặt của bitum hoặc các nơi có khả năng chảy dầu.
- Không thi công Mapeflex PU40 nếu nhiệt độ thấp hơn +5°C.

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG

### Chuẩn bị bề mặt cần trám

Tất cả bề mặt cần trám phải khô ráo, đặc chắc và không có bụi, các phần vỡ vụn, dầu, mỡ, sáp và sơn cũ. Để đảm bảo keo trám đạt hiệu quả tốt nhất, các khe nối phải có co giãn tốt và không được tiếp xúc với nền đáy. Vì thế Mapeflex PU40 chỉ liên kết hoàn hảo với các thành bên của khe co, và không bao giờ liên kết với phần đáy.

Độ rộng của khe co giãn phải được tính toán cẩn thận, sao cho trong thời gian sử dụng, khe co hoặc giãn ít hơn 25% so với kích thước ban đầu.

Để điều chỉnh độ sâu của Mapeflex PU40 và để tránh việc tiếp xúc với phần đáy của khe co giãn, dây Mapefoam - dây polyurethane mềm đặc chắc với kích thước phù hợp phải được đặt trước vào đáy khe co giãn. Độ sâu của keo trám được xác định dựa theo bảng bên dưới:

ĐỘ RỘNG CỦA KHE CO GIÃN	ĐỘ SÂU CỦA KEO TRÁM
Nhỏ hơn 10 mm	Bằng độ rộng khe
Từ 11 đến 20 mm	10 mm trong mọi trường hợp
Lớn hơn 20 mm	Bằng nửa độ rộng khe

Để tránh việc keo trám dính vào các khu vực ngoài khe co giãn và để đảm bảo bề mặt hoàn thiện đẹp, MAPEI đề xuất sử dụng các băng dính xung quanh 2 mép của khe co giãn.

Mapeflex PU40 bám dính tốt với hầu hết các vật liệu thấm hút hoặc đặc chắc thông dụng được sử dụng trong ngành xây dựng mà không cần lớp lót, miễn đảm bảo bề mặt sạch bụi và không có hợp chất tháo khuôn trên bề mặt. MAPEI đề xuất sử dụng Primer M cho các bề mặt thấm hút hoặc bề mặt kim loại hoặc sử dụng Primer A đối với các bề mặt không thấm hút, hoặc trường hợp bề mặt không đủ cứng chắc, sạch sẽ hoặc trong trường hợp khe co giãn chịu tác dụng cơ học cao, thường xuyên hay liên tục tiếp xúc với chất lỏng, hoặc bề mặt xi măng còn ướt.

Khi thi công Mapeflex PU40 trên các bề mặt không thấm hút như sắt, thép, nhôm, đồng, ceramic, thủy tinh, các tấm mạ kẽm hoặc sơn, Mapeflex PU40 sẽ bám dính tốt khi được xử lý bằng sản phẩm phù hợp.

Trong tất cả các trường hợp, việc thi công Primer M hoặc Primer A sẽ tăng độ bám dính của keo trám qua nhiều năm.

### Thi công lớp lót

Sử dụng bàn chải, thi công một lớp mỏng đồng nhất Primer M hoặc Primer A (lớp lót

gốc polyurethane một thành phần) xung quanh các góc của khe co giãn. Quá trình thi công keo trám chỉ nên được thực hiện khi lớp lót đã khô (20 phút đối với Primer M và 120 phút đối với Primer A ở nhiệt độ 23°C và độ ẩm tương đối 50%).

### Chuẩn bị và thi công Mapeflex PU40

Sử dụng súng bắn keo chuyên dụng cho các ống 300 ml và túi nhôm 600 ml thuộc dòng Mapei Gun.

Bơm keo trám vào khe liên tục và tránh cuốn khí. Lập tức làm phẳng bề mặt của keo trám sau khi bơm với dụng cụ phù hợp và nước xà phòng.

### LƯỢNG DÙNG

Tùy thuộc vào độ rộng của khe. Tham khảo bảng bên dưới cho lượng dùng của sản phẩm:

KÍCH THƯỚC KHE (mm)	ĐỘ DÀI ĐƯỜNG TRÁM (m)	
	Ống 300 ml	Túi nhôm 600 ml
5 x 5	12	24
10 x 10	3	6
15 x 10	2	4
20 x 10	1.5	3
25 x 12,5	0.9	1.9
30 x 15	0.6	1.3

### Vệ sinh

Mapeflex PU40 có thể được tẩy sạch khỏi bề mặt, dụng cụ, quần áo, v.v., bằng toluen hoặc cồn trước khi đóng rắn. Nếu sản phẩm đã đóng rắn chỉ có thể vệ sinh bằng phương pháp cơ học hoặc bằng Pulicol 2000.

### ĐÓNG GÓI

Hộp 20 túi nhôm (600 ml) hoặc 12 ống (300 ml).

### MÀU SẮC

Mapeflex PU40 có màu trắng và màu xám 111. Các màu khác tùy thuộc vào yêu cầu của khách hàng.

### BẢO QUẢN

Mapeflex PU40 có thể bảo quản 12 tháng ở nơi khô ráo và mát mẻ.

### HƯỚNG DẪN AN TOÀN CHUẨN BỊ VÀ THI CÔNG SẢN PHẨM

Mapeflex PU40 có thể gây mất cảm khi hít phải và gây dị ứng với người nhạy cảm với isocyanate. Trong quá trình sử dụng, đeo găng tay, kính bảo hộ và thực hiện các biện pháp phòng ngừa thông thường khi xử lý hóa chất. Nếu sản phẩm tiếp xúc với mắt



Thi công lớp lót Primer M hoặc Primer A



Chèn dây Mapefoam vào khe



Thi công Mapeflex PU40

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT (các giá trị tiêu biểu)

### ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

Phân loại theo EN 15651-1:	F-EXT-INT-CC, loại 25 LM
Phân loại theo EN 15651-4:	PW-EXT-INT-CC, loại 25 LM
Trạng thái:	Vữa không trượt
Màu sắc:	Trắng, Xám 111
Tỷ trọng (g/cm <sup>3</sup> ):	Khoảng 1.4
Hàm lượng chất rắn khô (%):	100
Độ nhớt Brookfield ở +23°C (mPa·s):	1,000,000 ± 200,000 (rotor F - 5 revs)

### THÔNG SỐ THI CÔNG (ở +23°C và độ ẩm tương đối 50%)

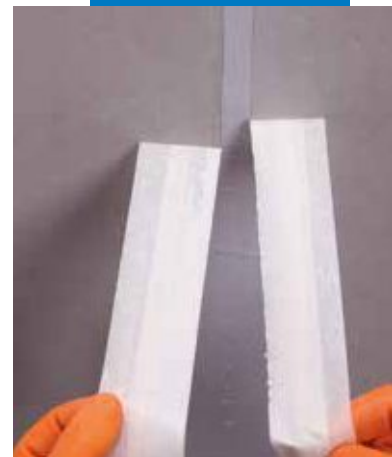
Nhiệt độ thi công thích hợp:	Từ +5°C đến +35°C
Thời gian khô:	60 phút
Thời gian kết thúc đóng rắn:	24 tiếng cho mỗi 3 mm chiều dày 48 tiếng cho mỗi 4 mm chiều dày
Thời gian cho phép lưu thông nhẹ:	Tùy thuộc vào độ sâu của khe

### DỮ LIỆU THI CÔNG CUỐI CÙNG

Độ cứng Shore A (DIN 53505):	30
Độ bền kéo (DIN 53504S3a) (N/mm <sup>2</sup> ): - sau 28 ngày ở 23°C và độ ẩm tương đối 50%:	3
Độ giãn dài phá huỷ (DIN 53504S3a) (%): - sau 28 ngày ở 23°C và độ ẩm tương đối 50%:	1000
Nhiệt độ làm việc:	-40°C đến +70°C
Khả năng kháng UV:	Tuyệt vời
Khả năng giãn dài (còn sử dụng được) (%):	25
Phân loại theo ISO 11600:	Loại F - 25 LM
Modul đàn hồi ở +23°C (ISO 8339) (N/mm <sup>2</sup> ):	0.24
Modul đàn hồi ở -30°C (ISO 8339) (N/mm <sup>2</sup> ):	0.31
Biến dạng đàn hồi (%):	85



Làm phẳng  
Mapeflex PU40



Gỡ băng keo dán  
xung quanh hai mép  
khe để có bề mặt  
hoàn thiện đẹp

# Mapeflex PU40

hoặc da, hãy rửa ngay bằng nhiều nước sạch và tới nơi hỗ trợ chăm sóc y tế. Sử dụng các công cụ bảo vệ phù hợp để bảo vệ hệ hô hấp. Để biết thêm thông tin và đầy đủ về việc sử dụng an toàn sản phẩm của chúng tôi, vui lòng tham khảo Tài liệu an toàn sản phẩm bản mới nhất.

SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG.

## CHÚ Ý

Những thông số kỹ thuật và hướng dẫn thi công sản phẩm trên đây được đúc kết từ những kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của Mapei. Vì vậy, trong mọi trường hợp, nên tuân thủ một cách nghiêm ngặt các hướng dẫn trong Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm. Nếu cần hỗ trợ bất kỳ thông tin nào, vui lòng liên lạc với Bộ phận kỹ thuật của Mapei để biết thêm chi tiết.

Chúng tôi có quyền cải tiến và thay đổi sản phẩm của mình bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo trước.

## LƯU Ý PHÁP LÝ

Nội dung của Tài Liệu Kỹ Thuật (TDS) này có thể được sao chép vào các tài liệu khác liên quan đến dự án nhưng không được quyền bổ sung hoặc thay thế bất kỳ điều khoản yêu cầu nào so với

bản gốc có hiệu lực tại thời điểm thi công sản phẩm của MAPEI. Để cập nhật phiên bản mới nhất cũng như những thông tin liên quan đến việc bảo hành sản phẩm, vui lòng truy cập website: [www.mapei.com.vn](http://www.mapei.com.vn).

**BẤT KỲ THAY ĐỔI NÀO VỀ TỪ NGỮ HOẶC YÊU CẦU TRONG/ HOẶC XUẤT PHÁT TỪ TÀI LIỆU KỸ THUẬT NÀY SẼ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA SẢN PHẨM TỪ CÔNG TY MAPEI.**

Phiên bản tiếng Việt được dịch lại dựa trên phiên bản tiếng Anh 422-10-2016.



Tất cả các tài liệu tham khảo về sản phẩm được cung cấp theo yêu cầu và ở trang web: [www.mapei.com.vn](http://www.mapei.com.vn)



## CÔNG TY TNHH MAPEI VIỆT NAM

Nhà máy: Lô 8, Đường số 4, KCN Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam  
ĐT: +84 235 3565 801-7 • Fax: +84 235 3565 800  
Email: [marketing@mapei.com.vn](mailto:marketing@mapei.com.vn) • Website: [www.mapei.com.vn](http://www.mapei.com.vn)

### Chi nhánh miền Bắc:

Tầng 6, Tòa nhà 25T1,  
Hoàng Đạo Thúy, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội  
ĐT: +84 24 3928 7924-6  
Fax: +84 24 3824 8645  
Email: [t.hoang@mapei.com.vn](mailto:t.hoang@mapei.com.vn)

### Chi nhánh miền Trung:

162A Nguyễn Chí Thanh,  
P. Phước Ninh, Q. Hải Châu,  
TP Đà Nẵng  
ĐT: +84 236 3565 001-4  
Fax: +84 236 3562 976  
Email: [p.hoang@mapei.com.vn](mailto:p.hoang@mapei.com.vn)

### Chi nhánh miền Nam:

169/11 Nguyễn Đức Cảnh,  
(3SH-11-2 Grandview),  
P. Tân Phong, Q. 7, TP Hồ Chí Minh  
ĐT: +84 28 5412 5618-19-20  
Fax: +84 28 5412 5621  
Email: [h.tran@mapei.com.vn](mailto:h.tran@mapei.com.vn)